

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Về việc công bố công khai quyết toán thu chi ngân sách năm 2021 và thu- chi ngân sách 5 tháng năm 2022 của UBND xã Cẩm Hoàng

Căn cứ Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai Ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ kỳ họp thứ ba HĐND xã khóa 20 nhiệm kỳ 2021-2026 họp ngày 20 tháng 7 năm 2022;

Căn cứ vào quyết toán thu – chi NSNN năm 2021 và thu chi ngân sách 5 tháng đầu năm 2022;

Hôm nay vào lúc 7 giờ 30, ngày 03 tháng 08 năm 2022 tại UBND xã Cẩm Hoàng.

*** Thành phần tham dự :**

- | | |
|--|--|
| 1. Ông Nguyễn Hữu Thắng | Chức vụ : Chủ tịch UBND xã . |
| 2. Ông: Nguyễn Đình Tuấn Anh | Chức vụ : Phó chủ tịch UBND xã. |
| 3. Bà : Nguyễn Thị Ngọc | Chức vụ: Tài chính - Kế toán . |
| 4. Ông Lương Văn Đăng | Chức vụ: Văn phòng HĐND - UBND -Thư ký |
| 5. Tập thể cán bộ - công chức UBND xã. | |

*** Nội dung biên bản:**

Tiến hành công khai và niêm yết công khai quyết toán thu – chi NSNN năm 2021 và thu chi ngân sách 5 tháng đầu năm 2022.

Thành phần niêm yết:

- Công khai và niêm yết công khai khai quyết toán thu – chi NSNN năm 2021.
- Công khai và niêm yết công khai thu chi ngân sách 5 tháng đầu năm 2022.

(Kèm theo mẫu số 113,114,115,116,117,118,119,120 của Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài Chính).

Thời gian niêm yết: Kể từ ngày 03/08/2022 đến ngày 03/9/2022 .

Biên bản kết thúc lúc 9 giờ 30 phút.

Lập biên bản



Lương Văn Đăng

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Thắng

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CẨM HOÀNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN KẾT QUẢ NIÊM YẾT CÔNG KHAI
QUYẾT TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021, VÀ TÌNH HÌNH THU CHI
NGÂN SÁCH 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

Hôm nay ngày 05 tháng 9 năm 2022. Tại Bộ phận một cửa của UBND xã Cẩm Hoàng. Chúng tôi gồm có:

- | | |
|-----------------------------|--------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Hữu Thắng | Chức vụ: Chủ tịch |
| 2. Ông Nguyễn Đình Tuấn Anh | Chức vụ: Phó chủ tịch |
| 3. Bà: Nguyễn Thị Ngọc | Chức vụ: Kế toán |
| 4. Ông Lương Văn Đăng | Chức vụ: VP HĐND & UBND-Thư ký |

Tiến hành lập Biên bản về kết quả niêm yết công khai Quyết toán thu chi ngân sách năm 2021 và tình hình thực hiện thu – chi ngân sách 5 tháng đầu năm 2022.

Trong khoảng thời gian niêm yết từ ngày 03/8/2022 đến hết ngày 05/9/2022, UBND xã không nhận được ý kiến phản hồi nào.

Kết luận: 100% ý kiến của CBCC, bán truyền trách trong toàn thị trấn nhất trí với nội dung niêm yết công khai Quyết toán thu chi ngân sách năm 2021 và tình hình thực hiện thu chi ngân sách 5 tháng đầu năm 2022.

Biên bản được lập thành 02 bản, văn phòng UBND xã lưu 01 bản, Kế toán lưu 01 bản.

Thư ký



Lương Văn Đăng

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Thắng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CẨM HOÀNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 66 /QĐ-UBND

Cẩm Hoàng, ngày 03 tháng 08 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán thu chi ngân sách năm 2021 và thu- chi ngân sách 5 tháng năm 2022 của UBND xã Cẩm Hoàng.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ kỳ họp thứ 3 HĐND xã khóa XX nhiệm kỳ 2021-2026 họp ngày 20 tháng 07 năm 2022;

Căn cứ vào quyết toán thu – chi NSNN năm 2021 và thu chi ngân sách 5 tháng đầu năm 2022;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán thu – chi NSNN năm 2021 và thu chi ngân sách 5 tháng đầu năm 2022 (theo các biểu đính kèm) .

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND & UBND, công chức Tài chính – kế toán, các bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các bộ phận có liên quan
- Lưu :VT, ...

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Thắng



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THÁNG	SỐ SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	6.153.696,0	3.029.078,0	0,49
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	180.000,0	49.552,0	0,28
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	663.000,0	43.819,0	0,07
3	Thu bổ sung	5.310.696,0	2.764.468,0	0,52
	- Thu bổ sung cân đối	3.119.478,0	1.000.000,0	0,32
	- Thu bổ sung có mục tiêu	2.191.218,0	1.764.468,0	0,81
4	Thu chuyển nguồn		171.239,0	
II	TỔNG SỐ CHI	6.153.696,0	2.780.885,0	0,45
1	Chi đầu tư phát triển	600.000,0		0,00
2	Chi thường xuyên	5.553.696,0	2.780.885,0	0,50
3	Dự phòng			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã



UBND XÃ CẨM HOÀNG

Biểu số 114/CK TC-NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 05 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022		THỰC HIỆN 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2022			SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSNN	THU NSX
		1	2	3	4	5=3/1	6=4/2	
A	B							
	TỔNG THU							
I	Các khoản thu 100%							
	Phí, lệ phí		6.153.696	0	3.029.078	0		1,13
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		180.000	0	49.552	0		0,54
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		30.000		16.177			0,54
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		65.000					
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định				33.375			
	Đóng góp của nhân dân theo quy định							
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân							
	Thu khác		85.000		0,00			0,00
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		663.000	0	43.819	0		0,07
I	Các khoản thu phân chia		51.800	0	26.854	0		0,52
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		14.000		0			0,00
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình							
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		7.800		8.700			1,12
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		30.000		18.154,0			0,61
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		611.200	0	16.965	0		1,45
	Thu tiền SD đất		600.000		0,0			0,00
	Thuế giá trị gia tăng		7.200		10.442			1,45
	Thuế thu nhập cá nhân		4.000		6.523			
	...							
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã				171.239,0			
IV	Thu chuyển nguồn							
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			0		0		0,52
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		5.310.696		2.764.468			0,32
	- Thu bổ sung cân đối		3.119.478		1.000.000			
	- Thu bổ sung có mục tiêu		2.191.218		1.764.468			



THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 05 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2020				THỰC HIỆN 05 THÁNG ĐẦU NĂM 2022				SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	
		1	2	3		4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3	
A	B											
	TỔNG CHI	6.153.696	600.000	5.553.696		2.780.886	0	2.780.886	0,45			
1	Chi giáo dục	250.000	250.000			0	0		0,00	0,00		
2	Chi XD đường GT	0				0	0					
3	Chi hỗ trợ khi NN thu hồi đất					0	0					
4	Chi y tế	0				0						0,29
5	Chi văn hóa, thông tin	17.000		17.000		4.966		4.966	0,29			0,34
6	Chi phát thanh, truyền thanh	107.745		107.745		36.332		36.332	0,34			
7	Chi thể dục thể thao	0				0		0				
8	Chi bảo vệ môi trường	0		0		0		0				
9	Chi các hoạt động kinh tế	20.000		20.000		0	0	0	0,00			0,00
10	Chi Quốc phòng - An ninh	0				0						
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.970.900	350.000	4.620.900		2.337.311		2.337.311	0,47			0,51
12	Chi cho công tác xã hội	311.072		311.072		166.629		166.629	0,54			0,54
13	Chi khác	476.979		476.979		235.648		235.648				
14	Dự phòng ngân sách	0				0						

**CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021**

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	10.969.997,0	TỔNG SỐ CHI	10.969.997,0
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	308.969	I. Chi đầu tư phát triển	4.587.802,0
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	186.474	II. Chi thường xuyên	6.210.957,0
III. Thu bổ sung	10.042.799,0	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	171.238,0
- Bổ sung cân đối	4.356.302,0		
- Bổ sung có mục tiêu	5.686.497,0		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước		IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	431.755,0		
Kết dư ngân sách			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU		5.897.871,0	0,0	10.969.997,0		1,86
I	Các khoản thu 100%		155.000,0	0,0	308.969,0		1,99
	Phí, lệ phí		40.000,0		37.435,0		0,94
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		65.000		99.104,0		1,52
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất theo chế độ quy định						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định				0,0		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân				89.730,0		
	Thu khác		50.000,0		82.700,0		1,65
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		1.070.000,0	0,0	186.474,0	0,0	0,17
1	Các khoản thu phân chia		66.000,0	0,0	81.011,0	0,0	1,23
	- Thuê sử dụng đất phi nông nghiệp		14.000		15.492,0		1,11
	- Thuê sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		7.000,0		6.900,0		0,99
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		45.000,0		58.619,0		1,30
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		1.004.000,0	0,0	105.463,0	0,0	0,11
	Thu tiền sử dụng đất		900.000,0		82.624,0		0,09
	Thuế giá trị gia tăng		72.000,0		13.834,0		0,19
	Thuế thu nhập cá nhân		32.000,0		9.005,0		0,28
	...						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				431.755,0		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		4.672.871,0		10.042.799,0		2,15
	- Thu bổ sung cân đối		4.362.983,0		4.356.302,0		1,00
	- Thu bổ sung có mục tiêu		309.888,0		5.686.497,0		

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DI (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	5.897.871	900.000	4.997.871	10.969.997,0	4.587.802,0	6.382.195,0	1,86		
1	Chi giáo dục	900.000,0	900.000,0		4.286.502,0	4.286.502,0		4,76		
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0,0			0,0					
3	Chi trụ sở, hội trường UBND xã	0,0			0,0					
4	XD đường GT, thủy lợi	0,0			0,0					
5	Chi hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất				0,0					
6	Chi y tế	0,0			0,0					
7	Chi văn hóa, thông tin	41.000,0		41.000,0	41.000,0		41.000,0	1,00		1,00
8	Chi phát thanh, truyền thanh	83.070,0		83.070,0	82.578,0		82.578,0	0,99		0,99
9	Chi thể dục thể thao	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0			
10	Chi bảo vệ môi trường	0,0			0,0					
11	Chi các hoạt động kinh tế	30.000,0		30.000,0	317.300,0	301.300,0	16.000,0	10,58		0,53
	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.075.742,0		4.075.742,0	5.301.622,0		5.301.622,0	1,30		1,30
12		459.827,0		459.827,0	461.752,0		461.752,0			1,00
13	Chi an ninh - quốc phòng	308.232,0		308.232,0	308.004,0		308.004,0	1,00		1,00
14	Chi cho công tác xã hội				0,0					
15	Chi khác	0,0			0,0					
16	Dự phòng	0,0			0,0					
17	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	0,0			171.239,0	0,0	171.239,0			



QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2021
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: triệu đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2021	Giá trị đã thanh toán năm 2021			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Nguyên cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		13.024,20	0,00	0,00	4.587,72	4.587,72	4.587,72	0,00
Công trình Đường giao thông nội đồng (đoạn từ WB3 đi bãi rác Phường Hoàng)		960			101,3	101,3	101,3	
Công trình Cải tạo sân trường Tiểu Học Cẩm Hoàng		966			34,5	34,5	34,5	
Công trình nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường Tiểu học		3.640			82,6	82,6	82,6	
Công trình nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường MN GD2		6.845			4.169,3	4.169,3	4169,3	
Công trình Cải tạo trạm bơm Cẩm Hoàng		614			200,0	200	200	